TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHƯỚC** **TỈNH TIỀN GIANG** Bản án số: 53/2023/DS-ST Ngày: 06/6/2023. V/v: *Tranh chấp "hợp đồng góp hụi và thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại"*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Chí Khanh**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Hoàng Trung**

Ông **Nguyễn Văn Chậm**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Minh Thành** - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang không tham gia phiên tòa: Ông **Lê Trung Hiếu** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 203/2022/TLST-DS ngày 19 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp "hợp đồng góp hụi và thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2023/QĐXX-ST ngày 15 tháng 5 năm 2023 và Thông báo dời phiên tòa số 04/2022/TB-TA ngày 30/5/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Nguyễn Thị Bích T,** sinh năm 1994

Địa chỉ: ấp M, xã M, thị xã C, tỉnh T.

- *Bị đơn:* Ông **Trần Văn H,** sinh năm 1970

Anh **Trần Trọng N,** sinh năm 1992

Chị **Trần Thanh T,** sinh năm 2001

Địa chỉ: ấp M, xã P, huyện T, tỉnh T.

- Chị T, ông H và anh N có mặt tại phiên tòa.
- Chị T xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Theo đơn khởi kiện ngày 05/12/2022 nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích T trình bày: Bà Nguyễn Thị Thu T là vợ của ông Trần Văn H và là mẹ của Trần Trọng N và Trần Thanh T. Vào năm 2019 tôi có tham gia hụi do bà T làm chủ hụi cụ thể như sau: Hụi 2.000.000đồng/phần, hụi khui vào ngày 10/02/2019, hụi một

tháng khui một lần, tôi tham gia 01 phần, đóng hụi sống được 11 lần, đến lần thứ 12 thì bà T ngưng hụi. Tổng số vốn tôi đã đóng là 18.700.000đồng. Ngày 16/01/2022 bà T chết. Nay yêu cầu ông Trần Văn H, anh Trần Trọng N và chị Trần Thanh T là nghững người thừa kế của bà T phải trả cho tôi số tiền vốn hụi là 18.700.000đồng.

+ Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/02/2023 bị đơn ông Trần Văn H và anh Trần Trọng N trình bày: Thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về việc tham gia hụi và nợ hụi như trên. Nay đồng ý trả cho nguyên đơn 18.700.000đồng trong phạm vi tài sản do bà T để lại.

+ Tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 29/6/2023 bị đơn chị Trần Thanh T thống nhất và đồng ý theo ý kiến của ông Trần Văn H.

* Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích T yêu cầu ông Trần Văn H, anh Trần Trọng N và chị Trần Thanh T là nghững người thừa kế của bà T phải liên đới trả cho chị số tiền vốn hụi là 18.700.000đồng. Yêu cầu trả khi án có hiệu lực pháp luật.

- Bị đơn ông Trần Văn H, anh Trần Trọng N đồng ý trả cho chị Nguyễn Thị Bích T số tiền hụi là 18.700.000đồng, xin trả khi chia đất xong.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu xác định Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Hội đồng xét thấy theo đơn khởi kiện và yêu cầu của chị Nguyễn Thị Bích T tại phiên tòa, thì chị T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tân Phước giải quyết buộc ông Trần Văn H, anh Trần Trọng N và chị Trần Thanh T phải liên đới trả cho chị số tiền vốn hụi là 18.700.000 đồng. Ông Trần Văn H, anh Trần Trọng N và chị Trần Thanh T hiện cư trú tại ấp M, xã P, huyện T, tỉnh T. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước theo qui định tại Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và quan hệ pháp luật tranh chấp là "tranh chấp về hợp đồng dân sự góp hụi và thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại " qui định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 471, 615 của Bộ luật dân sự.

Hội đồng xét xử xét thấy bị đơn chị Trần Thanh T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt hợp lệ, nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất quyết định xét xử vắng mặt đối với chị Trần Thanh T.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Bích T yêu cầu ông Trần Văn H, anh Trần Trọng N và chị Trần Thanh T liên đới trả cho chị số tiền vốn hụi là 18.700.000 đồng. Xét yêu cầu của chị Nguyễn Thị Bích T đối với số tiền nợ hụi là có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ: Chị T có tham gia 01 dây hụi do bà T làm

chủ, quá trình thực hiện hụi bà T còn nợ chị T số tiền vốn hụi là 18.700.000đồng đến nay chưa trả.

Hội đồng xét xử xét thấy, chị Nguyễn Thị Bích T khởi kiện ông Trần Văn H, anh Trần Trọng N và chị Trần Thanh T phải trả cho chị số tiền 26.550.000 đồng tiền hụi. Chị T có giao nộp cho Tòa án kèm theo đơn khởi kiện là 05 giấy danh sách hụi (bản sao) thể hiện việc chơi hụi, số lượng hụi viên tham gia... và trong các giấy hụi này có thể hiện việc bà T thiếu nợ tiền hụi của chị T. Do đó chị T đã có chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình là hợp pháp theo qui định tại khoản 1 điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự. Theo qui định tại khoản 2 điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự qui định "Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó". Trong vụ án này ông H, anh N và chị T không có sự phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của chị T và chứng cứ do chị T cung cấp, đồng thời thừa nhận việc chơi hụi, có nợ hụi như chị T đã xác định. Do đó có cơ sở xác định hợp đồng góp hụi giữa chị T với bà T đã được xác lập hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên tham gia thực hiện kể từ khi xác lập. Bà T có làm chủ hụi, chị T có tham gia hụi, thỏa thuận hụi viên hốt hụi, chủ hụi phải có nghĩa vụ gom hụi và giao hụi, đồng thời được hưởng tiền huê hồng. Bà T có nợ hụi chị T số tiền 18.700.000đồng đến nay chưa trả. Vì vậy chị T khởi kiện là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận đối với số tiền nợ hụi được xác định là 18.700.000đồng.

[3] Về nghĩa vụ trả nợ: Xét thấy bà Nguyễn Thị Thu T và ông Trần Văn H là vợ chồng, tại thời điểm diễn ra giao dịch góp hụi nợ giữa chị T với bà T thì bà T và ông H vẫn là vợ chồng hợp pháp. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định nghĩa vụ góp hụi, giao hụi và trả tiền của bà T, ông H phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa bà T và ông H, đây là nghĩa vụ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân nhưng bà T và ông H không thực hiện nghĩa vụ giao hụi lại cho hụi viên là vi phạm hợp đồng góp hụi và nghĩa vụ của chủ hụi. Căn cứ điều 27 và 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 qui định vợ chồng phải có trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Việc bà T làm chủ hụi có hưởng huê hồng là nhằm giải quyết cho nhu cầu sinh hoạt của gia đình.

Ngày 13/01/2022 bà T và ông H ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 09/2023/QĐST-HNGĐ của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước. Theo quyết định thuận tình ly hôn nêu trên thì tài sản chung của bà T và ông H chưa được phân chia mà hai bên tự thỏa thuận. Tuy nhiên sau đó và cho đến nay bà T và ông H cũng không có phân chia tài sản chung.

Theo giấy chứng tử số 43 ngày 22/4/2022 của Ủy ban nhân xã P chứng tử bà Nguyễn Thị Thu T chết ngày 16/01/2022. Xét thấy ngày 13/01/2022 bà T và ông H đã ly hôn. Căn cứ vào Điều 613, 615, 651 của Bộ luật dân sự xác định anh Trần Trọng N và chị Trần Thanh T là người thừa kế của bà T ở hàng thừa kế thứ nhất và cũng là người thực hiện nghĩa vụ tài sản do bà T chết để lại nên phải có nghĩa vụ hoàn trả nợ cho chị T trong phạm vi di sản bà T để lại mà anh N và chị T được hưởng theo quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án ông H

cũng đồng ý liên đới trả cho chị T số tiền nợ là phù hợp, Hội đồng xét xử ghi nhận. Do đó yêu cầu của chị T về việc buộc ông H, anh N và chị T có trách nhiệm liên đới trả nợ là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì vậy, Hội đồng xét xử buộc ông Trần Văn H, anh Trần Trọng N và chị Trần Thanh T phải liên đới có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Bích T số tiền nợ hụi 18.700.000 đồng là phù hợp với Điều 471, 615 của Bộ luật dân sự.

[4] Về thời gian trả: Tại phiên Tòa hôm nay chị T yêu cầu ông H, anh N và chị T phải trả cho chị số tiền nợ hụi khi án có hiệu lực pháp luật. Ông H, anh N đồng ý trả số tiền 18.700.000đồng nhưng xin trả khi chia đất xong. Hội đồng xét xử xét thấy ông H, anh N và chị T đã vi phạm hợp đồng, vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 471, 615 của Bộ luật dân sự. Chị T đã yêu cầu ông H, anh N và chị T trả tiền nhiều lần nhưng ông H, anh N và chị T vẫn không trả mà kéo dài thời gian trả nợ, gây nhiều thiệt thòi về quyền lợi cho chị T. Do đó Hội đồng xét xử buộc ông H, anh N và chị T phải có nghĩa vụ trả cho chị T số tiền nợ hụi 18.700.000 đồng theo thời gian yêu cầu của chị T là phù hợp.

[5] Về án phí: Bị đơn ông Trần Văn H, anh Trần Trọng N và chị Trần Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xét thấy bị đơn ông Trần Văn H, anh Trần Trọng N và chị Trần Thanh T có đơn xin Tòa án xem xét giảm số tiền án phí phải chịu, do hoàn cảnh gia đình khó khăn, được chính quyền địa phương xác nhận là có thật, số nợ này là do bà T chết để lại. Hội đồng xét xử xét thấy đơn xin xem xét giảm số tiền án phí của ông Trần Văn H, anh Trần Trọng N và chị Trần Thanh T là phù hợp quy định của pháp luật, nên thống nhất giảm cho ông Trần Văn H, anh Trần Trọng N và chị Trần Thanh T 50% số tiền án phí phải chịu theo quy định.

[6] Xét lời đề nghị của kiểm sát viên tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được Hội đồng xét xử chấp nhận

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 471, 612, 613, 615, 651, Khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ.

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bích T.

- Buộc ông Trần Văn H, anh Trần Trọng N và chị Trần Thanh T phải liên đới trả cho chị Nguyễn Thị Bích T số tiền nợ hụi là 18.700.000 đồng (mười tám triệu, bảy trăm ngàn đồng). Thực hiện nghĩa vụ trả khi án có hiệu lực pháp luật. Đối với anh Trần Trọng N và chị Trần Thanh T thực hiện nghĩa vụ trả tiền trong phạm vi di sản do bà Nguyễn Thị Thu T chết để lại mà anh Trần Trọng N và chị Trần Thanh T được hưởng theo pháp luật về thừa kế.

Kể từ ngày chị Nguyễn Thị Bích T có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng ông Trần Văn H, anh Trần Trọng N và chị Trần Thanh T chậm trả tiền thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại 357, điều 468 của Bộ luật dân sự, tại thời điểm thanh toán.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Trần Văn H, anh Trần Trọng N và chị Trần Thanh T phải liên đới chịu 467.500đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho chị Nguyễn Thị Bích T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị đã nộp 467.000 đồng theo biên lai thu số 0003329 ngày 12/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

3. Về quyền kháng cáo:

Chị T, ông H và anh N được thực hiện quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; chị T được thực hiện quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tống đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang
- VKSND huyện Tân Phước.
- Chi Cục THADS huyện Tân Phước.
- Các đương sự:
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa

Nguyễn Chí Khanh